

- + Bộ Quốc phòng 1 người  
+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư 1 người.

Các thành viên cụ thể của Ban Chủ nhiệm sẽ do các cơ quan nói trên giới thiệu sau khi đã thống nhất ý kiến với Chủ nhiệm Chương trình. Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh sách cụ thể thành viên Ban Chủ nhiệm và những thay đổi (nếu có) trong quá trình thực hiện Chương trình.

**Điều 4.-** Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ban Chủ nhiệm Chương trình kỹ thuật - kinh tế về công nghệ vật liệu được quy định như sau:

1. Chủ nhiệm phụ trách chung công tác của Ban, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về mọi hoạt động của Ban.

2. Phó Chủ nhiệm giúp Chủ nhiệm chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban theo sự phân công của Chủ nhiệm.

3. Các ủy viên Ban Chủ nhiệm có nhiệm vụ tham gia ý kiến, thảo luận và quyết định các nội dung hoạt động của Ban, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ nhiệm phân công. Ban Chủ nhiệm Chương trình có thể có các cộng tác viên giúp việc theo nhu cầu.

**Điều 5.-** Ban Chủ nhiệm Chương trình kỹ thuật - kinh tế về công nghệ vật liệu có Văn phòng thường trực đặt tại Bộ Công nghiệp, được phép sử dụng con dấu, tài khoản của Bộ Công nghiệp. Biên chế của Văn phòng lấy từ biên chế của Bộ Công nghiệp và Chánh Văn phòng là Ủy viên thư ký của Ban Chủ nhiệm. Số lượng biên chế, nhiệm vụ và tổ chức của Văn phòng cũng như các quy định khác về hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình do Chủ nhiệm Chương trình quy định.

**Điều 6.-** Quyết định này thay cho Quyết định số

443-TTg ngày 20-6-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình quốc gia về công nghệ vật liệu và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 7.-** Chủ nhiệm và các thành viên Ban Chủ nhiệm Chương trình kỹ thuật - kinh tế về công nghệ vật liệu, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

## CÁC BỘ

LIÊN BỘ

BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ - BỘ GIAO  
THÔNG VẬN TẢI

**THÔNG TƯ liên tịch số 3/1998/TTLT/  
BVGCP-BGTVT ngày 24-4-1998  
hướng dẫn thực hiện cơ chế quản  
lý cước vận tải đường sắt.**

Căn cứ Nghị định số 1-CP ngày 5-1-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Vật giá Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 22-CP ngày 22-3-1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách



nhệm quản lý nhà nước và cơ cấu bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 137-HDBT ngày 27-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý giá;

Ban Vật giá Chính phủ - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý nhà nước về cước vận tải đường sắt như sau:

**Điều 1.-** Cước vận tải đường sắt quy định trong Thông tư này là cước vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý và bao gửi bằng phương tiện đường sắt (bao gồm cước vận chuyển trong nước và cước liên vận quốc tế) nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên thỏa thuận hợp đồng vận chuyển.

**Điều 2.-** Nguyên tắc hình thành cước vận tải đường sắt.

**1.** Cước vận chuyển trên các tuyến đường sắt trong nước áp dụng cho hành khách là công dân Việt Nam và hàng hóa được xác định trên nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường và đảm bảo hạch toán kinh doanh toàn ngành. Mức cước được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

Trường hợp hành khách thuộc các đối tượng quy định tại Quyết định số 767-TTg ngày 17-9-1997 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương, chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, sẽ thực hiện theo Quyết định trên và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

**2.** Cước vận chuyển trên các tuyến đường sắt trong nước áp dụng cho hành khách là người nước ngoài tạm thời được xác định trên cơ sở bù đắp chi phí, có tích lũy cần thiết để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Mức cước được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

**3.** Cước liên vận quốc tế trong tổ chức OSZD:

3.1. Cước hàng hóa quá cảnh áp dụng trên cơ sở Bảng cước quá cảnh của tổ chức OSZD quy định.

3.2. Cước vận chuyển hành khách, hành lý, bao gửi liên vận quốc tế được xác định trên cơ sở những quy định tại Điểm 2 Điều 2 Thông tư này, đồng thời có tham khảo giá cước của các nước trong tổ chức OSZD.

**Điều 3.-** Thẩm quyền quy định giá.

### **1. Ban Vật giá Chính phủ:**

1.1. Định cước giới hạn đối với lương thực vận chuyển từ Nam ra Bắc, phân bón từ Bắc vào Nam theo kế hoạch chỉ định của Nhà nước.

Cùng các ngành có liên quan xử lý trợ cước vận chuyển cho ngành đường sắt trong trường hợp mức cước quy định của Nhà nước thấp hơn mức cước hiện hành.

1.2. Tổ chức, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thanh tra, kiểm tra, xử lý những vi phạm kỷ luật nhà nước về cước vận tải và phí dịch vụ đường sắt theo các quy định hiện hành.

### **2. Bộ Giao thông vận tải:**

2.1. Chỉ đạo Liên hiệp Đường sắt Việt Nam lập phương án cước vận chuyển các mặt hàng quy định tại Điểm 1.1 Điều 3 trình Bộ Giao thông vận tải và Ban Vật giá Chính phủ.

2.2. Quản lý cước liên vận quốc tế và các hiệp ước quốc tế về liên vận quốc tế.

2.3. Chỉ đạo Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thực hiện những quy định tại Thông tư này.

2.4. Tổ chức, phối hợp với Ban Vật giá Chính phủ thanh tra, kiểm tra, xử lý những vi phạm kỷ luật nhà nước về cước vận tải.

### **3. Liên hiệp Đường sắt Việt Nam:**



3.1. Quyết định cước vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý và bao gửi trên các tuyến đường sắt trong nước (trừ các mặt hàng quy định tại Điểm 1.1 Điều 3), đồng thời thực hiện chế độ đăng ký giá với Ban Vật giá Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải.

3.2. Quyết định cước liên vận quốc tế và tham gia các hiệp ước quốc tế về liên vận quốc tế khi được Bộ Giao thông vận tải ủy quyền.

3.3. Xây dựng, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc chấp hành những quy định về quản lý cước vận tải đường sắt trong Thông tư này; xem xét, điều chỉnh cước kịp thời nhằm đảm bảo doanh thu cho ngành và phù hợp với cơ chế thị trường.

3.4. Thực hiện chế độ niêm yết giá tại các ga đường sắt.

3.5. Quản lý và chỉ đạo các đơn vị cơ sở thực hiện những quy định về phí dịch vụ.

*Điều 4.* - Điều khoản thi hành.

1. Những quy định tại Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Liên hiệp Đường sắt Việt Nam kịp thời báo cáo Ban Vật giá Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết cho phù hợp với thực tế.

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải  
*Thứ trưởng*

**ĐÀO ĐÌNH BÌNH**

Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ

NGUYỄN NGỌC TUẤN

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ - BỘ  
TÀI CHÍNH - BỘ THỦY SẢN**

**THÔNG TƯ liên tịch số 247/1998/  
TTLT-TCCP-TC-TS ngày 5-5-1998  
hướng dẫn thực hiện chế độ bồi  
dưỡng đi biển đối với thanh tra  
viên, kiểm soát viên bảo vệ nguồn  
lợi thủy sản.**

Thi hành Quyết định số 913/1997/QĐ-TTg ngày 25-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ bồi dưỡng đi biển đối với thanh tra viên, kiểm soát viên bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 33/LĐTBXH-TL ngày 5-1-1998, liên tịch Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ MỨC BỒI DƯỠNG**

**1. Đối tượng:**

Cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế đi làm nhiệm vụ trên tàu thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản (gọi tắt là tàu kiểm ngư) cụ thể là:

- Thanh tra viên, kiểm soát viên bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Cán bộ, thuyền viên thuộc biên chế làm việc trên tàu kiểm ngư.

**2. Mức bồi dưỡng:**

- Đi biển 1/2 ngày (dưới 4 giờ) được hưởng 7.500đồng/người.

- Đi biển 1 ngày (từ 4 giờ đến 8 giờ) được hưởng 15.000đồng/người.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**